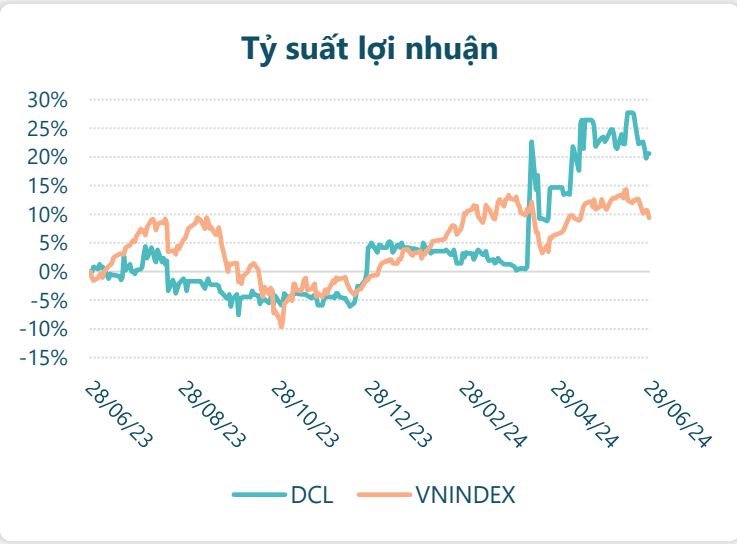


Ngày	28,700 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.4%	19.1%	22.4%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	22,000 - 30,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,096
Số lượng CPLH (CP)	73,041,030
KLGD BQ 20 phiên (CP)	403,075
Sở hữu nước ngoài	1.2%
Beta	0.68
EPS	858
P/E	33.5



Doanh thu thuần
Q2/24

283

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.00 | 1.8%

YoY: ▲ 24.0 | 9.3%

Nợ/VCSH
Q2/24

63.0%

YoY: +/- ▼ 0.1%

LN gộp
Q2/24

39.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼23.6 | -37.2%

YoY: ▼2.30 | -5.5%

ROE (TTM)
Q2/24

4.3%

YoY: +/- ▼ 0.5%

LN trước thuế
Q2/24

14.3

tỷ VNĐ

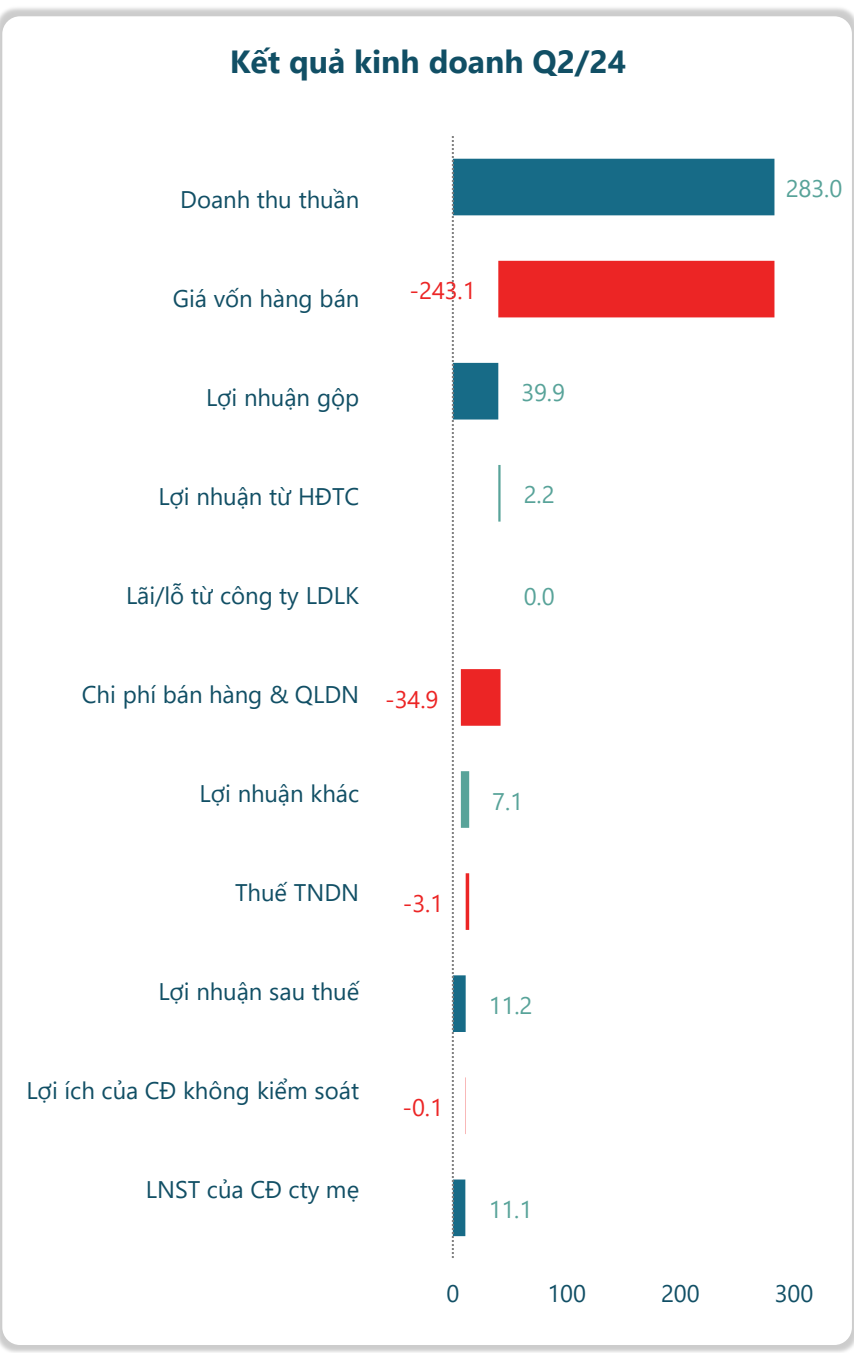
QoQ: ▼13.8 | -49.2%

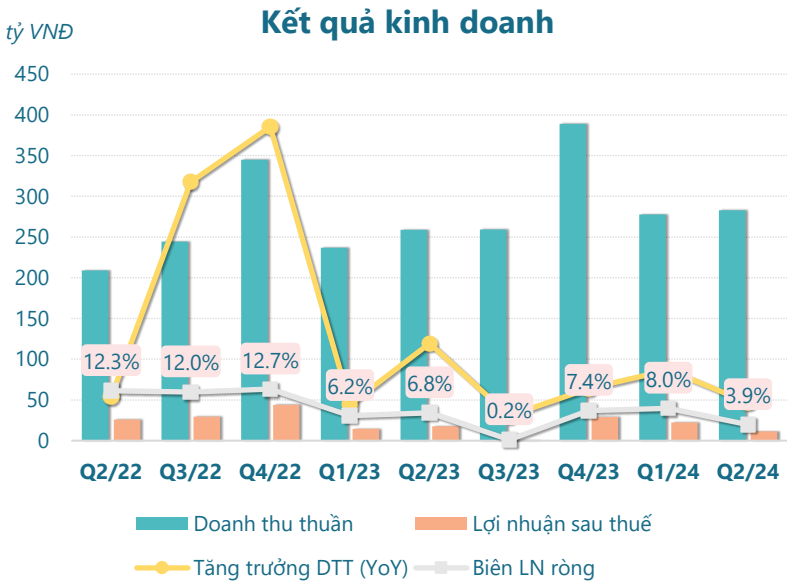
YoY: ▼8.10 | -36.3%

ROA (TTM)
Q2/24

2.8%

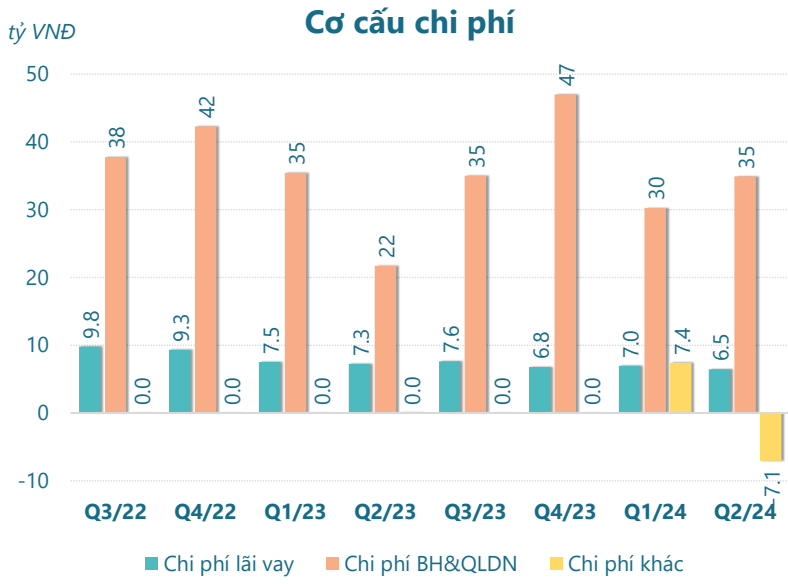
YoY: +/- ▼ 0.3%





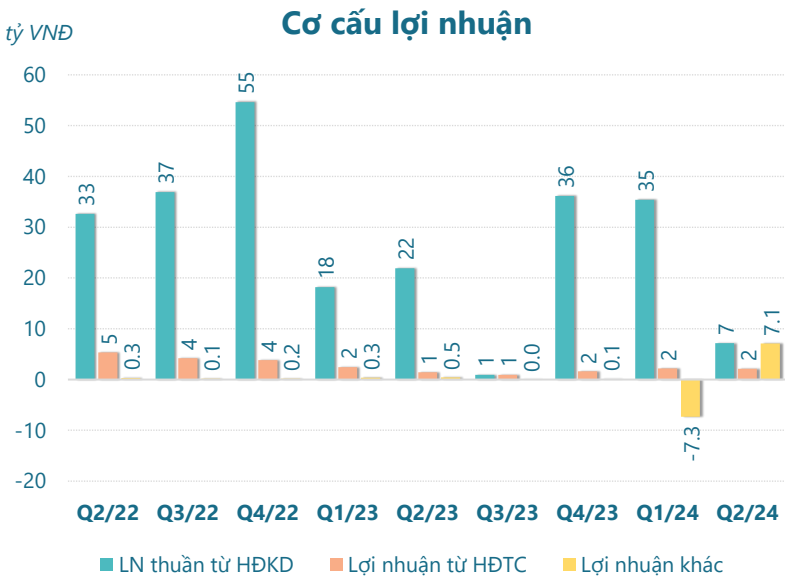
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 7.15 tỷ đồng**, giảm đi 79.8% so với kỳ trước và thấp hơn 67.4% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 2.15 tỷ đồng**, giảm đi 0.92% so với kỳ trước và cao hơn 51.4% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 7.13 tỷ đồng**, tăng thêm 14.45 tỷ đồng so với kỳ trước và cao hơn 1484% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **DCL** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **283.0 tỷ đồng** tăng thêm **9.36%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 11.22 tỷ đồng**, **giảm sút 37.0%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **561.0 tỷ đồng** cao hơn 13.1% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 34.00 tỷ đồng** cao hơn 6.25% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **6.45 tỷ đồng** giảm đi 7.19% so với kỳ trước và thấp hơn 11.2% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **34.90 tỷ đồng** tăng thêm 15.3% so với kỳ trước và cao hơn 60.8% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **-7.06 tỷ đồng** giảm đi 195% so với kỳ trước và thấp hơn 14220% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	283	278	1.8%	259	9.3%	561	496	13.2%
Giá vốn hàng bán	243	214	13.6%	217	12.0%	458	402	13.8%
Lợi nhuận gộp	39.9	63.5	-37.2%	42.2	-5.5%	103	93.3	10.7%
Doanh thu HĐTC	8.69	9.23	-5.8%	10.2	-14.8%	17.9	20.8	-13.6%
Chi phí TC	6.54	7.06	-7.4%	8.79	-25.6%	13.6	16.9	-19.4%
Chi phí lãi vay	6.45	6.95	-7.1%	7.26	-11.1%	13.4	14.8	-9.3%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	21.7	19.8	9.4%	9.61	125%	41.5	33.0	25.9%
Chi phí QLDN	13.2	10.4	27.2%	12.1	9.4%	23.7	24.2	-2.1%
LN thuần từ HĐKD	7.15	35.4	-79.8%	21.9	-67.3%	42.5	40.1	6.1%
Lợi nhuận khác	7.13	-7.32	197%	0.45	1484%	-0.20	0.79	-125%
LN trước thuế	14.3	28.1	-49.2%	22.4	-36.3%	42.3	40.9	3.6%
Lợi nhuận sau thuế	11.2	22.3	-49.7%	17.8	-36.9%	33.5	32.5	3.1%
LNST của CĐ cty mẹ	11.1	22.1	-49.8%	17.7	-37.3%	33.2	32.3	2.9%

